

PHÁP LUẬT ÁP DỤNG ĐỐI VỚI HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH

LÊ THỊ BÍCH THUY^{*}

Tóm tắt: Sự tăng lên mạnh mẽ và ngày càng đa dạng, phức tạp của các hợp đồng thương mại quốc tế đòi hỏi sự điều chỉnh kịp thời, phù hợp của pháp luật, kể cả pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế. Với tư cách là nguồn chủ yếu điều chỉnh quan hệ hợp đồng thương mại quốc tế, pháp luật Việt Nam có quy định về một trong những vấn đề pháp lý cốt lõi nhất của quan hệ này là chọn pháp luật áp dụng. Bài viết phân tích quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về các nguyên tắc chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng thương mại quốc tế chủ yếu trên cơ sở so sánh quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 với các điều ước quốc tế phổ biến liên quan, từ đó đưa ra đánh giá và kiến nghị hoàn thiện pháp luật hiện hành về việc giới hạn quyền lựa chọn hệ thống pháp luật của các bên trong hợp đồng cũng như xác định hệ thống pháp luật có mối liên hệ gắn bó nhất một cách hợp lý.

Từ khoá: Chọn pháp luật áp dụng; hợp đồng; nguyên tắc; thương mại quốc tế

Nhận bài: 28/6/2018

Hoàn thành biên tập: 18/7/2019

Duyệt đăng: 30/7/2019

THE LAW APPLICABLE TO INTERNATIONAL COMMERCIAL CONTRACTS UNDER THE CURRENT LAW OF VIETNAM

Abstract: While international commercial contracts have been strongly increased in parallel with their diversity and complexity, they are required to be duly regulated by the law, both national and international ones. As a source of law regulating international commercial contract relationships, the law of Vietnam regulates one of the most essential issues of those relationships which is the choice of law. The paper analyses the current legal provisions of Vietnam on principles of choice of law applicable to international commercial contracts in which it mainly compares the relevant provisions of the 2005 Civil Code and those of the related common international agreements. On that basis, the paper offers some assessments and proposals for improving the current law on limiting the right to choice of law of contracting parties as well as properly determining the most related law.

Keywords: Choice of applicable law; contract; principle; international commerce

Received: June 28th, 2018; Editing completed: July 18th, 2019; Accepted for publication: July 30th, 2019

1. Khái quát về hợp đồng thương mại quốc tế và vấn đề chọn pháp luật áp dụng

1.1. Hợp đồng thương mại quốc tế

Về khái niệm hợp đồng thương mại quốc tế (HĐTMQT), pháp luật của các quốc gia

và pháp luật quốc tế có nhiều định nghĩa khác nhau, với nhiều dấu hiệu nhận diện khác nhau. Bài viết, với mục đích tìm hiểu quy định của pháp luật Việt Nam nên chỉ nhận diện loại hợp đồng này theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, có đối chiếu với một số điều ước quốc tế nổi bật liên quan.

Trong Bộ nguyên tắc của Viện thống

^{*} Giảng viên, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: matryoshka_bt@hlu.edu.vn

nhất tư pháp quốc tế (UNIDROIT) về HĐTMQT (phiên bản 2004) tuy không đưa ra định nghĩa về HĐTMQT nhưng việc xác định loại hợp đồng này được dựa trên yếu tố “quốc tế” của hợp đồng.⁽¹⁾ Yếu tố quốc tế không được Bộ nguyên tắc chỉ ra một cách cụ thể mà quy định rằng “*yếu tố quốc tế có thể được xác định bằng nhiều cách*”. Trong đó, quy định về trụ sở thương mại của các bên chủ thể của hợp đồng được đặt tại các quốc gia khác nhau cũng được xem là yếu tố quốc tế của hợp đồng. Nội dung này phù hợp với quy định của Công ước Viên năm 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế (sau đây gọi tắt là Công ước Viên năm 1980);⁽²⁾ Công ước La hay năm 1964 về luật thống nhất về kí kết hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế...

Bộ luật dân sự năm 2015 với tư cách là đạo luật gốc được áp dụng trong lĩnh vực dân sự nói chung, bao gồm cả lĩnh vực thương mại, không có quy định nào về HĐTMQT. Để xác định được HĐTMQT theo quy định của Bộ luật này phải dựa trên cơ sở quy định của Điều 663 về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài nói chung. Theo đó, một quan hệ dân sự được coi là quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài khi thuộc một trong các trường hợp:⁽³⁾

- Quan hệ dân sự có ít nhất một trong các bên tham gia là người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài;

- Quan hệ dân sự có đối tượng là tài sản đang hiện diện ở nước ngoài;

- Quan hệ dân sự có sự kiện pháp lí làm căn cứ xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ xảy ra ở nước ngoài.

Với tư cách là một loại quan hệ cụ thể của quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, quan hệ HĐTMQT cũng sẽ được xác định khi có một trong ba yếu tố về mặt chủ thể, khách thể và sự kiện pháp lí nêu trên.

Luật thương mại năm 2005 của Việt Nam là văn bản chuyên ngành điều chỉnh các hoạt động thương mại cũng không có quy định về HĐTMQT mà chỉ quy định việc mua bán hàng hoá quốc tế là một hình thức của HĐTMQT. Theo đó, “*mua bán hàng hoá quốc tế được thực hiện dưới các hình thức xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập và chuyển khẩu*”.⁽⁴⁾ Như vậy, nếu căn cứ vào quy định này của Luật thương mại năm 2005, yếu tố nước ngoài trong mua bán hàng hoá quốc tế để xác định quan hệ HĐTMQT là việc di chuyển hàng hoá qua biên giới, bao gồm: xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất tái nhập và chuyển khẩu. Theo đó, việc hàng hoá được chuyển dịch qua biên giới là dấu hiệu để xác định việc mua bán hàng hoá quốc tế.

Có thể thấy rằng dù có nhiều dấu hiệu được sử dụng để định nghĩa HĐTMQT nhưng các định nghĩa về loại hợp đồng này đều thống nhất ở chỗ xác định HĐTMQT phân biệt với hợp đồng thương mại trong nước bởi tính quốc tế. Hay nói cách khác, HĐTMQT luôn có sự hiện diện của “*yếu tố nước ngoài*”. Từ những quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành nói trên, có thể khái quát: HĐTMQT là sự thoả thuận được kí kết giữa các thương nhân có trụ sở thương mại nằm trên lãnh thổ

(1). Bộ nguyên tắc của Viện thống nhất tư pháp quốc tế UNIDROIT về hợp đồng thương mại quốc tế, phiên bản PICC năm 2004.

(2). Điều 1 và Điều 7 Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, Ủy ban pháp luật thương mại quốc tế của Liên hợp quốc (UNCITRAL).

(3). Điều 663 Bộ luật dân sự năm 2015.

(4). Khoản 1 Điều 27 Luật thương mại năm 2005.

của các quốc gia khác nhau về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ thương mại quốc tế. HĐTMQT có rất nhiều loại, chẳng hạn như hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, hợp đồng cung ứng dịch vụ, hợp đồng chuyển giao công nghệ...

1.2. Vấn đề chọn pháp luật điều chỉnh hợp đồng thương mại quốc tế

Đồng thời với thực trạng tăng lên của các giao lưu thương mại quốc tế, đương nhiên các tranh chấp về HĐTMQT cũng sẽ tăng theo về số lượng và mức độ phức tạp. Khi tranh chấp xảy ra mà không có quy định của pháp luật, không có sự thoả thuận trước về lựa chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng thì trước khi đi vào giải quyết tranh chấp, cơ quan có thẩm quyền và các bên tranh chấp phải đối mặt với vấn đề phức tạp là pháp luật nước nào sẽ được áp dụng trong việc xét xử vì pháp luật về điều chỉnh hợp đồng thương mại của các nước có nội dung rất khác nhau. Ngay cả khi xảy ra các tình huống không được dự tính trước trong các điều khoản của hợp đồng hoặc khi các điều khoản của hợp đồng cần được giải thích thêm thì những thiếu sót này cần phải được giải quyết ngay bằng những quy phạm pháp luật nhằm xác định phạm vi trách nhiệm của các bên. Như vậy, có thể thấy việc chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng là điều cần thiết, đặc biệt là đối với hợp đồng có yếu tố nước ngoài (trong đó có HĐTMQT) vì quan hệ hợp đồng này thường liên quan đến ít nhất hai hệ thống pháp luật của các quốc gia và xuất hiện hiện tượng đặc thù là hiện tượng xung đột pháp luật. Việc các bên không có dự tính sẵn cho việc chọn pháp luật áp dụng sẽ dẫn đến những tổn kém và chậm trễ khi giải quyết tranh chấp. Vì vậy đối với các quan hệ hợp đồng có yếu tố nước ngoài

nói chung, HĐTMQT nói riêng, việc cho phép các bên trong quan hệ hợp đồng được chủ động và tự do thoả thuận lựa chọn pháp luật áp dụng là một quy định quan trọng được thừa nhận rộng rãi trên thế giới từ trước đến nay.⁽⁵⁾

Pháp luật được lựa chọn để áp dụng điều chỉnh HĐTMQT có hai chức năng, vai trò cơ bản:

Thứ nhất, pháp luật được lựa chọn để áp dụng sẽ là cơ sở định hướng cho hành vi của các bên trong hợp đồng. Rõ ràng, pháp luật hợp đồng các nước khác nhau có nhiều quy định không giống nhau. *Ví dụ*: theo pháp luật Việt Nam, một hành vi của đối tác được coi là vi phạm hợp đồng nhưng theo luật áp dụng cho hợp đồng do các bên lựa chọn thì hành vi đó không được coi là vi phạm hợp đồng; hoặc trong nhiều trường hợp theo pháp luật Việt Nam thì thời hiệu khởi kiện do vi phạm hợp đồng đã hết nhưng theo pháp luật áp dụng, thời hiệu đó có thể vẫn còn. Như vậy, khi thực hiện hay không thực hiện một hành vi nào đó liên quan đến hợp đồng, chủ thể cần phải đối chiếu với pháp luật áp dụng. Mặt khác, HĐTMQT dù được giao kết chặt chẽ đến đâu thì bản thân nó cũng không thể dự kiến hết các tình huống có thể xảy ra trên thực tế. Do đó, cần bổ sung chế định pháp lí cụ thể về lựa chọn pháp luật áp dụng cho hợp đồng đó. Căn cứ vào pháp luật áp dụng, các bên xác định được hành vi của mình có bị cấm hay không, có vi phạm hợp đồng hay không và có giá trị pháp lí ràng buộc hay không.

Thứ hai, pháp luật được lựa chọn để áp dụng là cơ sở pháp lí để giải quyết tranh

(5). Nguyễn Thị Hồng Trinh, “Nguyên tắc tự do chọn pháp luật cho hợp đồng từ Công ước Rome 1980 đến Quy tắc Rome I và nhìn về Việt Nam”, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*, số 6 (167), tháng 3/2010.

chấp. Có thể thấy trên thực tiễn, việc lựa chọn pháp luật áp dụng đối với quan hệ hợp đồng có ý nghĩa trong việc đảm bảo an toàn về mặt pháp lý, tránh các rủi ro không tiên liệu trước. Điều khoản chọn pháp luật áp dụng này đã thể hiện ý chí thống nhất của các bên trong việc lựa chọn pháp luật nước nào để điều chỉnh nội dung hợp đồng hoặc áp dụng pháp luật nào để giải quyết khi có tranh chấp. Thật vậy, không chuyên gia pháp lý nào có thể khẳng định được rằng khi đàm phán soạn thảo hợp đồng họ có thể dự liệu mọi tình huống có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng và có sự dự liệu cách thức giải quyết các tình huống đó trong hợp đồng. Cho dù các bên có kỹ năng soạn thảo hợp đồng tốt đến mức nào đi nữa thì sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không bao giờ đủ. Do vậy, cần phải dựa vào pháp luật để giải quyết tranh chấp.

2. Quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng thương mại quốc tế

Với tư cách là đạo luật gốc điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực dân sự nói chung, bao gồm cả các quan hệ dân sự, thương mại, lao động, hôn nhân gia đình, BLDS năm 2015 được xây dựng trên tinh thần kế thừa và phát triển BLDS năm 2005, điều chỉnh một cách rộng rãi các quan hệ giao lưu dân sự phát sinh trong đời sống thực tế. BLDS năm 2015 xây dựng một phần riêng là Phần thứ 5 để quy định về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, chủ yếu là các quy phạm xung đột để chọn pháp luật áp dụng đối với nhóm quan hệ này. Vì vậy, khi tìm hiểu quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề chọn pháp luật áp dụng đối với quan hệ HDTMQT, thực chất chính là tìm hiểu những quy định

của BLDS năm 2015 về vấn đề này, cụ thể là quy định về hợp đồng có yếu tố nước ngoài.

2.1. Pháp luật do các bên thoả thuận lựa chọn

Xuất phát từ bản chất của hợp đồng là sự thoả thuận, tôn trọng ý chí thoả thuận của các bên và coi những thoả thuận đã được thiết lập giữa các bên là luật có hiệu lực cao nhất đối với hợp đồng, nguyên tắc cơ bản được áp dụng để điều chỉnh quan hệ hợp đồng có yếu tố nước ngoài từ trước đến nay theo quy định của pháp luật Việt Nam đều là nguyên tắc Luật do các bên thoả thuận lựa chọn (Lex Voluntatis). Đây cũng là nguyên tắc được ghi nhận theo thông lệ quốc tế và pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới. Ví dụ: Điều 3 Công ước Rome năm 2008 của Liên minh châu Âu về luật áp dụng cho nghĩa vụ hợp đồng quy định: “*hợp đồng được điều chỉnh bởi luật do các bên lựa chọn*”.⁽⁶⁾ Công ước Viên năm 1980, Quy tắc La Hay ngày 15/6/1955 về luật áp dụng vào hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, Công ước liên Mỹ về luật áp dụng đối với hợp đồng quốc tế năm 1994⁽⁷⁾... cũng có quy

(6). Công ước Rome về luật áp dụng cho nghĩa vụ của hợp đồng, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Cong-uoc-Rome-1980-Luat-ap-dung-doi-voi-cac-nghia-vu-theo-hop-dong-204538.aspx>, truy cập 22/02/2019.

(7). Công ước Liên Mỹ về luật áp dụng cho hợp đồng quốc tế năm 1994 (còn được gọi tắt là Công ước Mexico 1994, vì được ký tại thành phố này) tại Điều 7 quy định: “*Hợp đồng được điều chỉnh bởi luật do các bên lựa chọn. Thoả thuận về sự lựa chọn này phải được suy ra một cách rõ ràng từ hành vi cụ thể của các bên và từ các điều khoản hợp đồng đặt trong tổng thể với hợp đồng chứa chúng. Sự lựa chọn này có thể điều chỉnh toàn bộ hợp đồng hoặc một phần hợp đồng*”.

định tương tự về việc sử dụng luật do các bên lựa chọn để điều chỉnh quan hệ hợp đồng và giải quyết các tranh chấp phát sinh.

BLDS năm 2015 hiện hành có một điều khoản duy nhất quy định về hợp đồng có yếu tố nước ngoài là Điều 683. So với BLDS năm 2005, quy định này của BLDS năm 2015 có tương đối nhiều thay đổi. Về mặt hình thức và kỹ thuật lập pháp, từ hai điều luật riêng biệt về nội dung hợp đồng (Điều 769 BLDS năm 2005) và hình thức hợp đồng (Điều 770 BLDS năm 2005) đến nay được gộp chung lại thành một điều chung về hợp đồng.

Về nội dung quy định, mặc dù nguyên tắc chung về việc lựa chọn pháp luật áp dụng đối với quan hệ hợp đồng vẫn được giữ nguyên nhưng các quy định cụ thể thay đổi tương đối nhiều và rõ nét.

Trước tiên, có thể thấy rằng theo quy định của BLDS năm 2005, nguyên tắc áp dụng pháp luật do các bên thỏa thuận lựa chọn được quy định một cách gián tiếp. Cụ thể, theo khoản 1 Điều 769 BLDS năm 2005 “*Quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được xác định theo pháp luật của nước nơi thực hiện hợp đồng, nếu không có thỏa thuận khác*”. Như vậy, khả năng lựa chọn pháp luật áp dụng đối với nội dung hợp đồng của các bên trong quan hệ được suy diễn gián tiếp từ cụm từ “nếu không có thỏa thuận khác”, tức là trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc chọn luật áp dụng thì sẽ theo sự lựa chọn của các bên, ngược lại sẽ áp dụng pháp luật của nước nơi thực hiện hợp đồng. Cách quy định này không rõ ràng, gây nhiều tranh cãi, đặc biệt đối với chính các chủ thể tham gia kí kết hợp đồng cũng không đảm bảo được sự yên tâm chắc chắn cho họ trong việc thỏa thuận để thống nhất về việc

chọn luật áp dụng. Tại thời điểm này, một số văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006, Bộ luật hàng hải năm 2005⁽⁸⁾ có đưa ra quy định cụ thể và trực tiếp về việc chọn pháp luật áp dụng đối với các quan hệ hợp đồng, tuy nhiên những quy định của các văn bản này chỉ là những quy định của các quan hệ chuyên biệt và cụ thể, không được sử dụng để áp dụng điều chỉnh số lượng lớn các hợp đồng quốc tế trong các lĩnh vực khác.

Nhận thấy được hạn chế trong việc quy định gián tiếp như vậy về quyền chọn luật áp dụng, BLDS năm 2015 đã xây dựng quy định cụ thể, trực tiếp về nguyên tắc này. Khoản 1 Điều 683 BLDS năm 2015 quy định: “*Các bên trong quan hệ hợp đồng được thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng*”. Theo đó, pháp luật được lựa chọn áp dụng đối với hợp đồng sẽ điều chỉnh các vấn đề liên quan phát sinh từ hợp đồng, từ quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên, các chế tài áp dụng... Quy định này được xây dựng hoàn toàn phù hợp với bản chất của quan hệ hợp đồng, phù hợp với thông lệ quốc tế và đáp ứng thực tiễn giao lưu dân sự quốc tế đang diễn ra.

Căn cứ vào quy định này của BLDS năm 2015, nếu là hợp đồng có yếu tố nước ngoài thì các bên sẽ được lựa chọn pháp luật áp dụng để điều chỉnh hợp đồng mà không phân biệt là hợp đồng dân sự hay hợp đồng thương mại, hợp đồng mua bán hàng hoá hay hợp đồng cung cấp dịch vụ. Đây cũng là điểm khác biệt so với BLDS năm 2005 vì Điều 769 BLDS năm 2005 có tên là “hợp đồng dân sự”, trong khi đó, theo quy định

(8). Điều 4 Bộ luật hàng hải năm 2005.

của Bộ luật mới thì điều khoản về hợp đồng này được gọi tên là “hợp đồng”. Ngoài ra, trước đây, một trường hợp ngoại lệ không cho phép các bên tham gia kí kết hợp đồng được lựa chọn pháp luật áp dụng là trường hợp hợp đồng được giao kết và thực hiện hoàn toàn tại Việt Nam. Đoạn 2 khoản 1 Điều 769 BLDS năm 2005 quy định loại hợp đồng này “*phải tuân theo pháp luật Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”. Quy định này đã không còn tồn tại trong BLDS năm 2015. Như vậy, chỉ cần hợp đồng có yếu tố nước ngoài là các bên có thể lựa chọn pháp luật áp dụng mà không cần quan tâm đến việc hợp đồng đó có giao kết và thực hiện hoàn toàn tại Việt Nam hay không.

Về phạm vi pháp luật mà các bên trong hợp đồng được thỏa thuận lựa chọn, trước đây cũng như hiện nay, pháp luật Việt Nam không có quy định về giới hạn. Như vậy, các bên hoàn toàn có thể lựa chọn bất kì hệ thống pháp luật của quốc gia nào trên thế giới mà họ muốn để điều chỉnh quan hệ hợp đồng phát sinh mà không nhất thiết phải là pháp luật của một quốc gia liên quan đến hợp đồng như pháp luật của một trong các bên, pháp luật của nước nơi giao kết hợp đồng, pháp luật của nước nơi thực hiện hợp đồng... miễn rằng “*hậu quả của việc áp dụng pháp luật nước ngoài không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*”.⁽⁹⁾ Thậm chí, các bên hoàn toàn có thể lựa chọn điều ước quốc tế, tập quán quốc tế để điều chỉnh⁽¹⁰⁾... Điều này đảm bảo sự tự do ý chí của các chủ thể khi tham gia quan hệ hợp đồng.

Ngoài ra, pháp luật cho phép các bên có

thể thỏa thuận thay đổi pháp luật áp dụng đối với hợp đồng nhưng việc thay đổi đó không được ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba được hưởng trước khi thay đổi pháp luật áp dụng, trừ trường hợp người thứ ba đồng ý.⁽¹¹⁾

2.2. Trường hợp các bên không có thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng

Như đã nêu trên, mặc dù việc xác định pháp luật áp dụng đối với hợp đồng có yếu tố nước ngoài (bao gồm HĐTMQT) là việc làm có ý nghĩa quan trọng, các bên nên có sự chủ động thỏa thuận tại thời điểm giao kết hợp đồng về pháp luật được lựa chọn để áp dụng. Tuy nhiên, trên thực tế, cho đến thời điểm hiện tại, không phải chủ thể nào tham gia vào các giao lưu dân sự, thương mại quốc tế cũng hiểu hết được tính chất của các quan hệ hợp đồng có yếu tố nước ngoài cũng như ý nghĩa của điều khoản chọn luật áp dụng cho đến khi có tranh chấp xảy ra. Vì vậy, vẫn tồn tại những hợp đồng được giao kết mà thiếu điều khoản về chọn luật áp dụng, tức là được pháp luật trao quyền chủ động nhưng lại không thực hiện quyền đó. BLDS năm 2005 quy định nếu trường hợp này xảy ra, như đã nói ở trên, pháp luật được áp dụng để điều chỉnh là pháp luật của nước nơi hợp đồng được thực hiện. Quy định này đã gây ra nhiều khó khăn trong việc xác định pháp luật áp dụng đối với trường hợp các bên không thỏa thuận về chọn luật nhưng cũng không có thỏa thuận xác định cụ thể đâu là nơi thực hiện hợp đồng. Nhận thấy được hạn chế đó, quy định này đến BLDS năm 2015 đã không còn nữa. Thay vào đó, khoản 1 Điều 683 quy định: “*Trường hợp các bên không có thỏa thuận về pháp luật áp dụng thì*

(9). Điều 670 BLDS năm 2015.

(10). Các điều 665, 666 BLDS năm 2015.

(11). Khoản 6 Điều 683 BLDS năm 2005.

pháp luật của nước có mối liên hệ gắn bó nhất với hợp đồng đó được áp dụng". Đây là quy định được coi là tiến bộ hơn so với quy định của BLDS năm 2005, đáp ứng được thực tiễn áp dụng luật cũng như đảm bảo được bản chất của các quan hệ dân sự nói chung, quan hệ hợp đồng nói riêng. Tư pháp quốc tế của nhiều nước cũng có quy định về xác định pháp luật áp dụng dựa trên tiêu chí "mối liên hệ gắn bó nhất" nhưng không định nghĩa thế nào là "mối liên hệ gắn bó nhất" mà trao cho thẩm phán quyền xác định dựa vào các hoàn cảnh thực tế của vụ việc cần giải quyết.⁽¹²⁾

Trong khi đó, pháp luật Việt Nam có quy định và hướng dẫn cụ thể về việc xác định pháp luật có mối liên hệ gắn bó nhất cho các loại hợp đồng chuyên biệt. Khoản 2 Điều 683 BLDS năm 2015 của Việt Nam liệt kê 5 trường hợp, theo đó, pháp luật của nước có mối quan hệ gắn bó nhất đối với mỗi loại hợp đồng đặc thù:

- Đối với hợp đồng mua bán hàng hoá thì pháp luật của nước nơi người bán cư trú nếu là cá nhân hoặc nơi thành lập nếu là pháp nhân được coi là gắn bó nhất với hợp đồng.

- Đối với hợp đồng dịch vụ, pháp luật gắn bó nhất là pháp luật của nước nơi người cung cấp dịch vụ cư trú nếu là cá nhân hoặc nơi thành lập nếu là pháp nhân.

- Đối với hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ, pháp luật của nước nơi người nhận quyền cư trú nếu là cá nhân hoặc nơi thành lập nếu là pháp nhân được coi là gắn bó nhất. Theo quan điểm truyền thống, lĩnh vực sở hữu trí tuệ là lĩnh vực đặc thù không phát

sinh xung đột pháp luật, tuy nhiên, liên quan đến các loại hợp đồng chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ thì xung đột pháp luật hoàn toàn có thể xảy ra.

- Đối với hợp đồng lao động, pháp luật được coi là gắn bó nhất là pháp luật của nước nơi người lao động thường xuyên thực hiện công việc. Nếu người lao động thường xuyên thực hiện công việc tại nhiều nước khác nhau hoặc không xác định được nơi người lao động thường xuyên thực hiện công việc thì pháp luật của nước có mối liên hệ gắn bó nhất với hợp đồng lao động là pháp luật của nước nơi người sử dụng lao động cư trú đối với cá nhân hoặc thành lập đối với pháp nhân.

- Đối với hợp đồng tiêu dùng, pháp luật của nước nơi người tiêu dùng cư trú được xác định là pháp luật gắn bó nhất với hợp đồng. Việc đưa ra lựa chọn này trước hết nhằm đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng, đồng thời tăng trách nhiệm và ý thức tôn trọng người tiêu dùng của bên cung cấp hàng hoá dịch vụ. Bên cạnh đó, việc lựa chọn pháp luật có mối liên hệ gắn bó nhất đối với hợp đồng dịch vụ là pháp luật của nước nơi người tiêu dùng cư trú là phương án tạo thuận lợi tốt nhất cho cơ quan giải quyết tranh chấp trong quá trình thực hiện các hành vi tố tụng cần thiết.⁽¹³⁾

Cách quy định về pháp luật có mối liên hệ gắn bó nhất với từng loại hợp đồng dựa vào đặc thù của mỗi loại là một cách quy định hoàn toàn mới của pháp luật Việt Nam lần đầu tiên được ghi nhận trong BLDS 2015. Quy định này đã tiệm cận dần với

(12). Ngô Quốc Chiến, "So sánh một số quy định chung của tư pháp quốc tế Bỉ và Việt Nam", *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*, số 15/2014.

(13). Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ, *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự năm 2015 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2017, tr. 1082.

pháp luật của các nước thế giới bởi đã loại bỏ được khó khăn thường gặp khi áp dụng quy định trước đây của BLDS năm 2005 là trong trường hợp các bên không có thoả thuận lựa chọn pháp luật áp dụng thì sẽ áp dụng pháp luật của nước nơi thực hiện hợp đồng. Đối với một hợp đồng có yếu tố nước ngoài, trong đó có các HĐTMQT, việc xác định nơi thực hiện hợp đồng không đơn giản vì có khi hợp đồng được thực hiện trên lãnh thổ của nhiều quốc gia khác nhau, nhất là đối với hợp đồng song vụ, các hợp đồng liên quan đến tài sản vô hình...

Mặc dù quy định cụ thể như vậy nhưng pháp luật cũng vẫn để mở cho các bên một hướng đi linh hoạt, tức là đối với các hợp đồng kể trên, không phải lúc nào pháp luật được áp dụng cũng chỉ là một phương án. Trong trường hợp chứng minh được pháp luật của một quốc gia khác có mối liên hệ gắn bó với hợp đồng hơn so với pháp luật được quy định thì pháp luật được áp dụng là pháp luật của nước đó.⁽¹⁴⁾

2.3. Một số trường hợp ngoại lệ cho nguyên tắc pháp luật do các bên thoả thuận lựa chọn

Mặc dù đưa ra nguyên tắc cho phép các bên được tự do ý chí và thoả thuận về chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng phát sinh, tuy nhiên, nguyên tắc nào cũng sẽ có những ngoại lệ nhất định, sự tự do được trao cho trong một giới hạn nhất định nhằm mục đích đảm bảo trật tự xã hội, pháp luật trong những tình huống đặc biệt cụ thể. Bên cạnh quy định chung về trường hợp pháp luật nước ngoài không được áp dụng nếu pháp luật đó trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, BLDS năm 2015 cũng

đưa ra các ngoại lệ cụ thể cho nguyên tắc pháp luật do các bên thoả thuận lựa chọn. Theo khoản 4 và khoản 5 Điều 683, pháp luật do các bên thoả thuận lựa chọn không được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- Trường hợp hợp đồng có đối tượng là bất động sản thì pháp luật áp dụng đối với việc chuyển giao quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản là bất động sản, thuê bất động sản hoặc việc sử dụng bất động sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là pháp luật của nước nơi có bất động sản.

- Trường hợp pháp luật do các bên lựa chọn trong hợp đồng lao động, hợp đồng tiêu dùng có ảnh hưởng đến quyền lợi tối thiểu của người lao động, người tiêu dùng theo quy định của pháp luật Việt Nam thì pháp luật Việt Nam được áp dụng.

Xuất phát từ những đặc trưng riêng của các loại hợp đồng này mà pháp luật phải có quy định ngoại lệ. Đối với hợp đồng bất động sản, đối tượng của nó là một loại tài sản đặc biệt, nhạy cảm và liên quan đến nhiều vấn đề về chính trị, kinh tế, xã hội của một quốc gia. Đặc biệt, ở góc độ luật quốc tế thì bất động sản tạo thành đất đai, lãnh thổ là một bộ phận làm nên chủ quyền của quốc gia. Vì vậy, có thể thấy rằng không chỉ đối với loại quan hệ hợp đồng mà trong giao lưu dân sự quốc tế nói chung, bất kì quan hệ nào liên quan đến bất động sản thì nguyên tắc được áp dụng để điều chỉnh sẽ là Luật nơi có tài sản (*Lex rei sitae*). Nói cách khác, các bên không thể lựa chọn pháp luật áp dụng cho hợp đồng có đối tượng là bất động sản. Đây là quy định hợp lí và phù hợp với tư pháp quốc tế của nhiều nước. Điểm đáng lưu ý ở đây là quy định này đã rõ hơn so với quy định của BLDS năm 2005. Nếu như khoản 2

(14). Khoản 3 Điều 683 BLDS năm 2015.

Điều 769 BLDS năm 2005 quy định chung rằng “*hợp đồng liên quan đến bất động sản ở Việt Nam phải tuân theo pháp luật Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”, khoản 4 Điều 683 BLDS năm 2015 đã quy định rõ hơn là chỉ những hợp đồng “*có đối tượng là bất động sản*” thì các bên mới không được lựa chọn pháp luật áp dụng.

Đối với hợp đồng lao động, hợp đồng tiêu dùng, liên quan đến những quan hệ dân sự nhưng tính chất của nó là giữa hai bên chủ thể kí kết hợp đồng thì bên người lao động, người tiêu dùng lại được đánh giá là người ở thế yếu, cần được pháp luật bảo vệ những quyền và lợi ích tối thiểu. Người lao động và người tiêu dùng hầu như không có cơ hội để đàm phán các nội dung của hợp đồng. Khi được trao quyền lựa chọn pháp luật, bên đề nghị giao kết hợp đồng (thường là bên sử dụng lao động và bên chuyên nghiệp có nhiều thông tin và kinh nghiệm hơn) sẽ có xu hướng đưa vào trong hợp đồng điều khoản lựa chọn áp dụng hệ thống pháp luật có lợi nhất cho mình, ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động và người tiêu dùng. Vì vậy, pháp luật quy định chuyên biệt dành cho những loại hợp đồng này rằng trong trường hợp mặc dù các bên có thoả thuận chọn pháp luật áp dụng nhưng nếu luật đó có ảnh hưởng đến quyền lợi tối thiểu của người lao động, người tiêu dùng thì pháp luật được áp dụng sẽ là pháp luật Việt Nam.

Những ngoại lệ này là hợp lí và tương thích với pháp luật quốc tế. Hơn nữa, pháp luật không triệt tiêu hoàn toàn quyền thoả thuận lựa chọn pháp luật áp dụng đối với các bên trong hai loại hợp đồng này mà chỉ là giới hạn cho quyền tự do đó, tránh xâm hại đến những lợi ích tối thiểu nhất. Các bên

trong hợp đồng lao động và hợp đồng tiêu dùng vẫn được lựa chọn pháp luật nước ngoài để áp dụng cho hợp đồng của mình. Chỉ khi pháp luật mà các bên lựa chọn ảnh hưởng đến quyền lợi tối thiểu của người lao động và người tiêu dùng Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam thì sự lựa chọn đó mới không có giá trị. Ngược lại, nếu các quy định của pháp luật của nước mà các bên lựa chọn có những quy định ngang bằng hoặc thuận lợi hơn so với pháp luật Việt Nam thì pháp luật đó vẫn được áp dụng.

3. Đánh giá và kiến nghị hoàn thiện quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về pháp luật áp dụng đối với hợp đồng thương mại quốc tế

Từ những phân tích, đánh giá trên cơ sở so sánh với quy định của BLDS năm 2005, có thể thấy rằng những quy định mới của BLDS năm 2015 về vấn đề chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng có yếu tố nước ngoài, bao gồm cả HĐT MQT là bước tiến vượt bậc so với quy định cũ. BLDS năm 2015 tiến bộ hơn về hình thức ghi nhận, gộp chung hai điều khoản về nội dung và hình thức của hợp đồng để tạo sự thống nhất, thuận tiện trong việc áp dụng pháp luật điều chỉnh đối với hợp đồng. Quan trọng hơn, nội dung của Điều 683 BLDS năm 2015 về xác định pháp luật được áp dụng đối với hợp đồng thực sự gắn với bản chất của quan hệ hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh của tư pháp quốc tế là những quan hệ luôn luôn gắn với yếu tố nước ngoài, liên quan đến hai hay nhiều hệ thống pháp luật của nhiều quốc gia khác nhau nhưng vẫn giữ nguyên bản chất của quan hệ hợp đồng là sự thoả thuận. Mặc dù BLDS năm 2015 về cơ bản phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế, tuy nhiên, trên

cơ sở nghiên cứu về HĐTMQT trong thực tiễn giao kết và pháp luật quốc tế, có thể thấy vẫn còn tồn tại một số vấn đề dưới đây:

- Pháp luật chưa có quy định cụ thể về giới hạn phạm vi hệ thống pháp luật mà các bên có thể lựa chọn. Vì vậy trong thực tế, các bên chủ thể tham gia vào giao kết HĐTMQT phát sinh một dạng câu hỏi thường gặp là các bên có thể thoả thuận lựa chọn một hệ thống pháp luật không có mối quan hệ thực chất với hợp đồng để áp dụng hay không?

Chẳng hạn, trong hợp đồng giữa một doanh nghiệp Việt Nam và một doanh nghiệp Hoa Kỳ, các bên có thoả thuận: Trong trường hợp nếu hợp đồng không chỉ rõ thì luật thực chất của Pháp sẽ điều chỉnh. Thực tế cho thấy, cũng không ít trường hợp các bên lựa chọn một hệ thống pháp luật không có liên quan gì đến hợp đồng. Theo quy định tại Điều 683 BLDS năm 2015, trường hợp các bên không có thoả thuận về pháp luật áp dụng thì pháp luật của nước có mối liên hệ gần bó nhất với hợp đồng đó được áp dụng. Trong trường hợp cụ thể này, rõ ràng các bên có đưa ra phương án chọn pháp luật áp dụng chứ không phải là không có thoả thuận, vì vậy cũng không thể dùng điều khoản về pháp luật có mối liên hệ nhất với hợp đồng để áp dụng.

Tham khảo pháp luật các nước cho thấy, có nhiều cách giải quyết khác nhau. Pháp luật Mỹ yêu cầu pháp luật được lựa chọn phải có mối quan hệ thực chất với hợp đồng, trong khi Điều 2 Công ước Rome và Điều 2 Quy tắc Rome I không đòi hỏi một mối liên hệ thực chất hay liên hệ khác với pháp luật được lựa chọn.⁽¹⁵⁾ Một số nhà nghiên cứu

pháp luật của Việt Nam cũng ủng hộ vì một số lí do. *Thứ nhất*, cách quy định như vậy đảm bảo tôn trọng tối đa quyền tự thoả thuận của các bên, đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của hợp đồng; *thứ hai*, việc cho thoả thuận lựa chọn pháp luật của nước thứ ba như một giải pháp trung gian sẽ giúp cho các bên thực hiện hợp đồng dễ dàng hơn trong trường hợp bên Việt Nam không muốn áp dụng luật của bên nước ngoài và bên nước ngoài không muốn áp dụng pháp luật Việt Nam; *thứ ba*, phù hợp với thông lệ quốc tế khi các bên còn được phép thoả thuận lựa chọn tập quán thương mại quốc tế hay những nguyên tắc của HĐTMQT đã được thừa nhận rộng rãi (ví dụ: Bộ nguyên tắc của Unidroit về HĐTMQT).

Thực tiễn hoạt động thương mại quốc tế cũng cho thấy, các bên vẫn có xu hướng lựa chọn một hệ thống pháp luật không có mối liên hệ thực chất với hợp đồng hoặc lựa chọn tập quán thương mại quốc tế để điều chỉnh quan hệ hợp đồng. Vì vậy, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần hướng dẫn quy định trên rõ ràng hơn, theo hướng chấp nhận các bên được quyền lựa chọn một hệ thống pháp luật cụ thể kể cả không có mối liên hệ thực chất với hợp đồng để điều chỉnh hợp đồng.

- Về phạm vi pháp luật áp dụng đối với hợp đồng được lựa chọn điều chỉnh, quy định của BLDS chỉ mới dừng lại ở mức khái quát. Điều 668 BLDS năm 2015 quy định: “*Pháp luật được dẫn chiếu đến bao gồm quy định về xác định pháp luật áp dụng và quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ dân sự*”. Việc chỉ dừng lại quy định như vậy sẽ dẫn đến rất nhiều vướng mắc áp dụng trên thực tế, ví dụ như pháp luật do các bên lựa chọn có được áp dụng

(15). Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình tư pháp quốc tế*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2017, tr. 398.

cho toàn bộ nội dung của hợp đồng hay không? Các bên có quyền lựa chọn pháp luật áp dụng cho một phần của hợp đồng không?

Nói cách khác, các bên có quyền lựa chọn nhiều hệ thống pháp luật điều chỉnh một quan hệ hợp đồng hay không? Thực tiễn cho thấy có những hợp đồng có yếu tố nước ngoài, ví dụ như hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế có nội dung rất dài và bao gồm nhiều vấn đề khác nhau. Chính vì vậy, đôi khi phát sinh nhu cầu thực tế là các bên cần thoả thuận chọn nhiều hệ thống pháp luật và một hệ thống pháp luật chỉ áp dụng điều chỉnh một phần của hợp đồng. Thậm chí ngay cả khi thoả thuận chọn luật áp dụng cho toàn bộ hợp đồng vẫn có trường hợp các bên lựa chọn nhiều luật áp dụng cho hợp đồng để phòng ngừa tình huống một hệ thống pháp luật không điều chỉnh hết các vấn đề của hợp đồng. BLDS năm 2015 không có quy định về vấn đề này nhưng một số văn bản pháp luật chuyên ngành lại quy định hợp đồng có thể được chi phối bởi hai hay nhiều hệ thống pháp luật khác nhau. Ví dụ: khoản 1 Điều 17 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006 có quy định: *“Hợp đồng cung ứng lao động phải phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật của nước tiếp nhận lao động...”*. Như vậy, hợp đồng cung ứng lao động đồng thời chịu sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước tiếp nhận lao động.

Tham khảo Công ước Rome năm 1980 về pháp luật áp dụng cho nghĩa vụ hợp đồng và Quy tắc Rome I, tại Điều 3 của cả hai văn bản đều quy định: *“Bằng thoả thuận của mình, các bên có thể chọn luật áp dụng cho toàn bộ hoặc chỉ một phần của hợp đồng”*. Thực tiễn các nước cũng như Việt Nam cho

thấy hiện tượng này thường xuyên xảy ra. Quan điểm này được các chuyên gia châu Âu về tư pháp quốc tế chấp nhận và đã được ghi nhận tại văn bản pháp luật của nhiều quốc gia.⁽¹⁶⁾ Vì vậy, cơ quan nhà nước có thẩm quyền nghiên cứu ban hành văn bản thống nhất áp dụng nội dung vấn đề đã nêu theo hướng các bên được chọn luật áp dụng cho một phần hoặc toàn bộ hợp đồng và quyền được lựa chọn nhiều hệ thống pháp luật khác nhau áp dụng cho một quan hệ hợp đồng có yếu tố nước ngoài.

- Cách quy định về việc xác định “luật có mối liên hệ gắn bó nhất với hợp đồng” tại khoản 2 Điều 683 BLDS được đánh giá là rõ ràng và dễ áp dụng. Tuy nhiên, cách quy định như vậy cũng mang tính cơ học và dẫn đến hệ quả như những quy định liệt kê khác là sẽ rất khó cho các bên nếu tình huống thực tế không rơi vào các trường hợp được pháp luật dự liệu. Tức là đối với những loại hợp đồng không được liệt kê thì rất khó để xác định pháp luật có mối liên hệ gắn bó nhất là pháp luật của nước nào, nhất là đối với những loại hợp đồng hỗn hợp. Xem xét ví dụ sau: Hợp đồng nhượng quyền thương mại được kí giữa bên nhượng quyền là một công ty đăng kí thành lập tại Pháp và bên nhận quyền là một công ty đăng kí thành lập tại Việt Nam. Hợp đồng này vừa có nội dung về mua bán hàng hoá và cung ứng dịch vụ, vừa có quy định về chuyển giao quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp. Hợp đồng không có điều khoản lựa chọn pháp luật áp dụng.

(16). Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình tư pháp quốc tế*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2017, tr. 387.

Tranh chấp xảy ra liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ trợ giúp kỹ thuật và được giải quyết trước tòa án Việt Nam. Do các bên không lựa chọn pháp luật áp dụng cho hợp đồng nên tòa án Việt Nam sẽ áp dụng Điều 683 BLDS năm 2015. Do hợp đồng này có đối tượng là mua bán hàng hoá và cung ứng dịch vụ nên pháp luật áp dụng sẽ là pháp luật của nước người bán và cung ứng dịch vụ đăng ký thành lập, tức là pháp luật Pháp. Hợp đồng này cũng có đối tượng là chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu, bí quyết kinh doanh từ bên nhượng quyền sang bên nhận quyền nên điểm c khoản 2 Điều 683 được áp dụng (pháp luật Việt Nam được áp dụng). Vấn đề còn phức tạp hơn nếu bên nhượng quyền chỉ định người cung ứng dịch vụ cho bên nhận quyền là một pháp nhân đăng ký thành lập tại Mỹ. Lúc này sẽ có ba hệ thống pháp luật có thể được áp dụng: pháp luật của Pháp (pháp luật của nước người bán đăng ký thành lập); pháp luật của Mỹ (pháp luật của nước người cung cấp dịch vụ đăng ký thành lập) và pháp luật Việt Nam (pháp luật của nước người nhận quyền thành lập). Vậy phải áp dụng pháp luật của nước nào trong ba hệ thống pháp luật kể trên? Cách quy định này của pháp luật Việt Nam như đã nói ở trên sẽ không thể giải quyết hết các trường hợp không được kể tới, dễ dẫn đến lúng túng trong việc lựa chọn pháp luật và tình huống trên là ví dụ không hiếm. Thiết nghĩ, những nhà làm luật cần có quy định mang tính định hướng áp dụng pháp luật thống nhất, có thể phân chia các loại hợp đồng theo nhóm dựa vào các đặc điểm, bản chất của hợp đồng. Quy định theo cách này sẽ bao quát và không mang tính liệt kê dễ dẫn đến bỏ sót.

Về nguyên tắc chọn pháp luật áp dụng đối với quan hệ hợp đồng có yếu tố nước ngoài, trong đó bao gồm cả HĐTMQT, BLDS năm 2015 đã có những thay đổi khá căn bản về vấn đề chọn pháp luật áp dụng. Những thay đổi này được đánh giá là tiên bộ và về cơ bản phù hợp với pháp luật quốc tế và pháp luật các quốc gia trên thế giới trong việc quy định về hợp đồng có yếu tố nước ngoài, đồng thời phù hợp và theo kịp tốc độ phát triển của các giao lưu thương mại quốc tế. Tuy nhiên, các quy định của BLDS 2015 mới có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017, thời gian kiểm chứng chưa được bao lâu. Vì vậy, cần phải cần theo dõi và đánh giá việc thi hành những quy định này trên thực tế để có những sửa đổi, bổ sung và giải thích hướng dẫn áp dụng kịp thời đối với các chủ thể tham gia quan hệ thương mại quốc tế cũng như các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Quốc Chiên, “So sánh một số quy định chung của tư pháp quốc tế Bỉ và Việt Nam”, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*, số 15/2014.
2. Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ, *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự năm 2015 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2017.
3. Nguyễn Thị Hồng Trinh, “Nguyên tắc tự do chọn pháp luật cho hợp đồng từ Công ước Rome 1980 đến Quy tắc Rome I và nhìn về Việt Nam”, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*, số 6 (167), tháng 3/2010.
4. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình tư pháp quốc tế*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2017.